

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27/8/2020.
(V/v: Ly hôn).

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT - TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Huấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Bính.

2/ Bà Nguyễn Thị Minh Huấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nhàn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 342/2020/TLST-HNGĐ ngày 15/7/2020 về việc “Ly hôn (không đăng ký kết hôn)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 381/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/8/2020 giữa:

Nguyên đơn: Ông Diệp Hữu T – sinh năm 1968 (Có mặt).

Nơi cư trú: khu phố 7, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Bi đơn: Bà Lê Thị P – sinh năm 1963 (Có mặt).

Nơi cư trú: khu phố 7, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại nội dung đơn kiện, bản khai nguyên đơn trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: ông T và bà Lê Thị P tự tìm hiểu, quen biết nhau, chung sống năm 1992 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn.

Trong quá trình chung sống: thời gian đầu vợ chồng sống bình thường, hạnh phúc, đến năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bà P không tin tưởng ông T, luôn nghi ngờ ông T có quan hệ bên ngoài, mỗi khi đi làm về nhà thì bà P luôn có lời lẽ nặng nề xúc phạm đến ông T và những người trong gia đình ông T. Nhiều lần cố gắng hòa giải để vợ chồng chung sống bình thường nhưng bà P vẫn không thay đổi, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên vợ chồng đã tự sống xa nhau. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng đối với bà P không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn với bà P, nhưng do vợ chồng chung sống không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án xử theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: có 01 cháu tên Diệp Bảo H (nam) – sinh ngày 02/2/2000, hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, ông T trình bày: vẫn giữ ý kiến đã trình bày, ông T xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn thương yêu, tin tưởng, tôn trọng nhau và đã tự sống xa nhau không ai quan tâm đến ai. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn với bà P nhưng do vợ chồng chung sống không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án xử theo quy định của pháp luật. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: vẫn giữ ý kiến đã trình bày, không thay đổi, bổ sung gì thêm.

*** Tại nội dung bản khai, biên bản hòa giải bị đơn trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông T tự tìm hiểu, quen biết nhau, chung sống từ năm năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn.

Trong quá trình chung sống: thời gian đầu vợ chồng sống bình thường, hạnh phúc đến năm 2011 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông T có mối quan hệ bên ngoài không rõ ràng, nhiều lần bà P tha thứ và khuyên bảo ông T quay về chung sống để lo cho con nhưng ông T vẫn không thay đổi. Mặc dù vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng. Hiện nay vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống. Nay ông T làm đơn xin ly hôn, bà P không đồng ý ký đơn ly hôn cho ông T, bà P yêu cầu ông T phải làm 01 tờ giấy xác nhận cho mẹ con bà P ở trong căn nhà mà hiện tại vợ chồng đang sống (là nhà tự của cha mẹ ông T để lại) thì bà P mới đồng ý ly hôn ông T.

- Về con chung: có 01 cháu tên Diệp Bảo H (nam) – sinh ngày 02/2/2000. Hiện nay con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà P trình bày: Khi về chung sống với nhau, bà P và ông T đều đã có con riêng, chồng chấp vợ nói nên không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống bình thường tại nhà của cha mẹ ông T để lại, đến năm 2011 thì mới xảy ra mâu thuẫn do ông T không chung thủy, có mối quan hệ với người khác nên từ đó cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng luôn bất hòa nghi ngờ nhau. Nay bà P cũng xác định không còn tình cảm gì với ông T nên đồng ý ly hôn, nhưng bà P yêu cầu ông T cho mẹ con bà tiếp tục ở tại nhà của gia đình ông T để lại vì bà P cũng có công sức bỏ tiền ra tu sửa nhà cửa để vợ chồng cùng chung sống đến ngày hôm nay.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: vẫn giữ ý kiến đã trình bày, không thay đổi, bổ sung gì thêm.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:** Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát có ý kiến như sau :

- Về tố tụng: từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Tại phiên tòa hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tiến hành các trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật và chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Viện kiểm sát thấy rằng tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã thể hiện rõ nên đề nghị HĐXX xử như sau:

Về hôn nhân: Ông T và bà P chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn và hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Nay ông T làm đơn khởi kiện xin ly hôn, bà P đồng ý ly hôn nhưng do ông bà không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại phiếu xác minh ngày 17/8/2020 của UBND phường M, thành phố P xác nhận ông T và bà P chưa đăng ký kết hôn hợp pháp tại địa phương nên căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà P là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Ông T, bà P có 01 con chung tên Diệp Bảo H (nam) – sinh ngày 02/2/2000. Hiện nay con đã thành niên và có khả năng lao động, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện Kiểm sát không có ý kiến.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T, bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Viện Kiểm sát không có ý kiến.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe các đương sự tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát thành phố Phan Thiết, hội đồng xét xử nhận định :

*** Về tố tụng dân sự:** Ông T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Bị đơn là bà P hiện cư trú tại khu phố 7, phường M, thành phố P, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

*** Về quan hệ hôn nhân:** Ông T và bà P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 và có 01 con chung tên Diệp Bảo H (nam) – sinh ngày 02/2/2000, nhưng ông bà không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống đã xảy ra mâu

thuần do không tin tưởng, tôn trọng nhau và bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên ông bà tự quyết định sống xa nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông T làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà P, tại phiên tòa bà P đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T nhưng do ông bà không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu trên, HĐXX thấy rằng: ông T, bà P chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 cho đến nay là một khoảng thời gian dài, ông bà đã có con chung và có đủ điều kiện để kết hôn nhưng ông bà không cùng tạo điều kiện đến các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vì vậy căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình để tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà P là quan hệ vợ chồng.

- **Về con chung:** Ông bà có 01 con chung tên Diệp Bảo H (nam) – sinh ngày 02/2/2000. Hiện nay con chung đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

- **Về tài sản chung, nợ chung:** Ông T, bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

Tại phiên tòa, bà P yêu cầu ông T cho mẹ con bà tiếp tục ở tại căn nhà của gia đình ông T để lại vì bà có công sức bỏ tiền ra xây dựng, sửa chữa nhà. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án ông T và bà P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên HĐXX không xem xét trong vụ án này, nếu sau này có yêu cầu tranh chấp tài sản thì có quyền làm đơn khởi kiện để giải quyết bằng vụ án khác.

- **Về án phí:** Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí về việc xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 14, Điều 51, Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Diệp Hữu T và bà Lê Thị P là quan hệ vợ chồng.

- Về án phí: Ông Diệp Hữu T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ngày 15/7/2020 ông T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu theo biên lai số 0007709, nay chuyển sang án phí và sung công quỹ nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, đương sự có mặt tại phiên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/8/2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân Phan Thiết
- Tòa án tỉnh Bình Thuận
- Thi hành án dân sự Phan Thiết
- Lưu

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(ĐÃ KÝ)

Mai Thị Huân